

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 22-01-2019

V/v tranh chấp hợp đồng

dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị N, sinh năm 1980; HKTT: Số 33/36, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D1, tỉnh B. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T1, huyện D, tỉnh B. Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/9/2016; bản tự khai; biên bản hòa giải cũng như lời trình bày tại phiên tòa của bà N trình bày:

Ông Lê Thanh T làm bảo vệ tại Khôi văn hóa huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và bà Nga làm cơ quan Đài truyền thanh chung khối với ông T nên hai bên quen biết nhau. Ông T có vay của bà Nga số tiền 50.000.000 đồng cụ thể vào các ngày:

Ngày 24/01/2017, ông T vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 24/01/2018, ông T sẽ trả số tiền trên cho bà N.

Ngày 08/02/2017, ông T vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 08/02/2018, ông T sẽ trả số tiền trên cho bà N.

Ngày 11/9/2017, ông T vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 11/11/2017, ông T sẽ trả số tiền trên cho bà N.

Ngày 14/9/2018, bà N có đơn khởi kiện bổ sung, cụ thể:

Ngày 13/6/2017, ông T vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 13/6/2018, ông T sẽ trả số tiền trên cho bà N.

Ngày 11/7/2017, ông T vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; hẹn khi nào bà N đòi thì ông T trả.

Ngày 14/7/2017, ông T vay của bà N số tiền 20.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; hẹn khi nào bà N đòi thì ông T trả.

Chứng cứ mà bà N cung cấp:

Các giấy vay nợ: ngày 14/7/2017, 11/9/2017, 24/01/2018, 08/02/2017, 13/06/2017 và 11/7/2017 đều có chữ ký, chữ viết của ông Lê Thanh T.

Bị đơn ông T vắng mặt trong tất cả quá trình tố tụng:

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình ông Lê Thanh T (là cha ông Lê Thanh T) có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T1, huyện D, tỉnh B; xác minh địa chỉ cư trú của ông T để tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T. Tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của ông T.

Theo đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Khanh) có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn; riêng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Phiên tòa diễn ra đúng thành phần tham gia tố tụng.

Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Quan điểm xử lý vụ án: Trên cơ sở kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương xác định các chữ ký, chữ viết trên giấy vay nợ đều là do ông Lê Thanh T ký, viết ra. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Trên cơ sở chứng cứ là các giấy vay nợ: Ngày 14/7/2017, 11/9/2017, 24/01/2018, 08/02/2017, 13/06/2017 và 11/7/2017 mà nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử xác định vụ kiện thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 24/01/2017, ông T vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 24/01/2018, ông T trả số tiền trên cho trên cho bà N. Ngày 08/02/2017, ông T vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 08/02/2018, ông T trả số tiền trên cho trên cho bà N. Ngày 11/9/2017, ông T vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 11/11/2017, ông T trả số tiền trên cho trên cho bà N. Ngày 13/6/2017, ông T vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 13/6/2018, ông T trả số tiền trên cho trên cho bà N. Ngày 11/7/2017, ông T vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; hẹn khi nào bà N đòi thì ông T trả. Ngày 14/7/2017, ông T vay của bà Nga số tiền 20.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; hẹn khi nào bà N đòi thì ông T trả.

Trên cơ sở chứng cứ là các giấy vay nợ: Ngày 14/7/2017, 11/9/2017, 24/01/2018, 08/02/2017, 13/06/2017 và 11/7/2017 mà nguyên đơn cung cấp. Theo kết luận giám định 358/GĐ-PC09 ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương xác định các chữ ký, chữ viết trên giấy vay nợ đều là do ông Lê Thanh T ký, viết ra. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, ông Lê Thanh H có vay tiền của bà N 06 lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình ông Lê Thanh T (là cha ông Lê Thanh T) có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T1, huyện D, tỉnh B; xác minh địa chỉ cư trú của ông T để tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T. Tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của ông T.

Tất cả các khoản nợ vay theo thỏa thuận trên giấy nợ đều đã đến hạn trả nhưng ông T không trả cho bà N là ông T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với chứng cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà N đã nộp chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.185.000 đồng (hai triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Ông T phải chịu chi phí này. Ông T phải trả cho bà N số tiền 2.185.000 đồng (hai triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của bà N được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 235, 243, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Đặng Thị N đối với ông Lê Thanh T.

Buộc ông Lê Thanh T phải trả cho bà Đặng Thị N số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực, kể từ ngày bà Đặng Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Thanh T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Thanh T phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.185.000 đồng (hai triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Do bà N đã nộp tạm ứng xong nên ông T phải nộp để hoàn trả cho bà N.

3. Về án sơ dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh T chịu 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0011846 ngày 17/5/2018 và số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012423 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 22/01/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn